

Bản án số: 371/2022/DS-PT

Ngày: 13- 6 - 2022

*V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
thanh toán trong hợp đồng thi công nhà ở và
bồi thường thiệt hại*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng thi công nhà ở và bồi thường thiệt hại*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 531/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn C, sinh năm 1941, (vắng mặt),

Địa chỉ: 15 Hồ Văn Đ, khu phố 3, p. v, Tp. H, T. Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh K, sinh năm 1958, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 16/1 Hồ Văn Đ, p. V, Tp. H, T. Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh T – công ty Luật TNHH MTV V, (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Ngọc L, sinh năm 1960, (vắng mặt)

Địa chỉ: 224A Quincy D, Quincy C, MA 02171, USA (Hoa Kỳ).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, (có mặt),

Địa chỉ: 495 Phạm Văn C (122 đường An Hội), phường 13, Q. V, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1956, (có mặt)

Địa chỉ: 32E2, khu tái định cư phường B, Tp.H, T. Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hải: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/10/2015, Ông Huỳnh Tấn C và bà Hoàng Thị L ký kết hợp đồng giao nhận thi công công trình xây dựng mới nhà ở tại địa chỉ số: 32E2, khu tái định cư phường Bửu Long, với tổng giá trị công trình là 440.000.000 đồng. Theo nội dung hợp đồng này, ông C nhận thi công cho bà L bao gồm tiền công thợ xây, tiền mua vật tư xây dựng và bàn giao nhà hoàn chỉnh cho bà L khi xây dựng xong. Tổng giá trị của công trình trên là 440.000.000 đồng.

Sau khi ông C hoàn thành công trình nêu trên theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết với bà L, ông C đã bàn giao nhà và được bà L chấp nhận đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, khi nhận nhà vì có khó khăn về tài chính nên bà L không thanh toán đủ cho ông C theo hợp đồng đã ký kết. Khoảng giữa tháng 01 năm 2006, ông C và bà L tính toán thì bà L đã ký xác nhận còn nợ ông C số tiền 130.000.000 đồng, bà L hẹn sẽ trả vào ngày 20/3/2006, thanh toán làm 03 đợt, mỗi đợt cách nhau 15 ngày. Sau đó, bà L thanh toán cho ông C 03 lần được 80.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 50.000.000 đồng chưa thanh toán cho ông C, mặc dù ông C đã nhiều lần yêu cầu.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu buộc bà Hoàng Thị Ngọc L trả cho ông C số tiền còn nợ từ việc thi công nhà là 50.000.000 đồng và thành toán tiền lãi chậm trả của số tiền nêu trên tính từ thời điểm bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 47.625.000 đồng ($50.000.000 \times 0,75 \times 127$ tháng), tổng số tiền gốc và lãi là 97.625.000 đồng.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hoàng Thị Ngọc L, ông C có ý kiến như sau:

- Đối với yêu cầu công nhận Hợp đồng số 9/HĐ.2005 ngày 15/7/2005 và xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng số tiền thanh toán 1.150.000.000 đồng, ông C không đồng ý vì Hợp đồng số: 9/HĐ.2005 ngày 15/7/2005 là hợp đồng các bên thỏa thuận để bà L chứng minh tài sản khi đi Mỹ, còn thực tế các bên chỉ ký kết Hợp đồng giao nhận thi công số: 9/HĐ.2005 ngày 17/10/2005 với số tiền 440.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu buộc ông C phải chịu toàn bộ chi phí sửa chữa với số tiền 134.242.800 đồng. Đối với việc chưa tô vữa trên phần gác mái thì do bà L yêu cầu không tô vữa mà chỉ cần đóng trần thạch cao nên ông C không tô vữa phần gác mái; theo bảng kê chi tiết loại vật tư, đối với 02 bộ cửa chính loại 4 cánh thì thỏa thuận làm bằng gỗ Cẩm xe và ông C đã làm đúng chất lượng; đối với 04 cửa sổ loại 4 cánh, 01 bộ cửa sổ loại 02 cánh và 03 bộ cửa hông loại 01 cánh, các bên thỏa thuận bằng sắt, kiếng và ông C đã làm đúng theo chất lượng nên không đồng ý đối với yêu cầu của bị đơn.

- *Theo các đơn phản tố, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Thanh H đều xác định còn nợ Ông Huỳnh Tấn C – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thắng Lợi số tiền 50.000.000 đồng là tiền xây dựng công trình nhà ở số: 9/HĐ.2005 ngày 15/7/2005.

Theo như Hợp đồng giao nhận thi công số: 9/HĐ.2005 ngày 15/7/2005, thời hạn thi công là 06 tháng. Tuy nhiên, đến thời hạn thỏa thuận, ông C vẫn chưa giao nhà và buộc bà L phải về ở tạm khi nhà chưa hoàn thành vào tháng 4 năm 2006. Khi về nhà ở thì bà L nhận thấy ông C đã gắn cửa sổ bằng khung sắt thay vì cẩm xe như thỏa thuận. Bà L không đồng ý vì chỉ cửa nhà vệ sinh làm bằng nhôm kính, còn lại phải làm bằng gỗ cẩm xe, vì vậy, bà L đã yêu cầu ông C thay cửa gỗ nhưng ông C chỉ hứa hẹn mà không thực hiện; cửa chính chưa được lắp ráp, phải đến tháng 5 năm 2006, khi ông C lắp ráp thì bà L nhận thấy cửa không đạt về chất lượng gỗ và kích cỡ nên không đồng ý và yêu cầu ông C phải đổi cửa khác. Ông C gỡ ra rồi bỏ đó mà không khắc phục. Ban đầu bà L dùng bạt che cửa để ở đỡ và đến tháng 7 năm 2006, bà L phải tự gia cố thêm và lắp vào sử dụng như hiện nay; trần nhà bị che khuất nên không thể kiểm tra, nhưng sau đó bị mưa thấm ướt trần thạch cao làm sụp trần thì bà L mới biết và yêu cầu ông C khắc phục. Tuy nhiên, ông C không đến và bỏ mặc cho đến nay.

Việc bà L còn nợ ông C 50.000.000 đồng là đúng, đây không phải là khoản tiền bảo hành mà bị đơn giữ lại, vì căn cứ theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng thể hiện giá trị hợp đồng được thanh toán làm 03 lần (Lần 1: Ứng 400.000.000 đồng khi khởi công; Lần 2: Ứng 400.000.000 đồng khi khởi công xong sàn tầng 1; Lần 3: Ứng 400.000.000 đồng sau khi đổ xong sàn tầng 2). Vì vậy, việc ông C sau khi đã nhận đủ tiền mà có hành vi bỏ dở, không hoàn thiện

công trình theo hợp đồng, không bàn giao, không thanh lý hợp đồng, không bảo hành là không đúng thỏa thuận của các bên.

Mặt khác, khi nhận đủ tiền thì ông C cũng không thực hiện nghĩa vụ đóng thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Mục 2 khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng, không xuất hóa đơn VAT để bị đơn thực hiện thủ tục hoàn công, việc không ký bàn giao nhà là do nhà chưa hoàn tất.

Vụ việc kéo dài từ năm 2006 đến nay là hành vi bỏ mặc của ông C và do hành vi không xuất hóa đơn nhằm trốn thuế với giá trị hợp đồng là 1.200.000.000 đồng.

Bị đơn bà Hoàng Thị Mỹ Liên yêu cầu phản tố yêu cầu ông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bà Hoàng Thị Ngọc L theo đúng số tiền đã thanh toán là 1.150.000.000 đồng để bị đơn thực hiện thủ tục hoàn công theo quy định; công nhận hợp đồng số 9/HĐ.2005 ngày 15/7/2005; buộc ông C phải chịu toàn bộ chi phí, tiền công, vật liệu để hoàn thiện phần tường chưa tô vữa và thay cửa gỗ cấm xe, kính 7 ly thay cho cửa sắt hiện có và cửa gỗ không đúng chủng loại với tổng số tiền là: 134.242.800 đồng, cụ thể: 80m² chưa tô vữa x 250.000 đồng = 20.000.000 đồng; 02 bộ cửa chính loại 04 cánh: 2,5m x 2,92m = 14,6m² x 3.500.000 đồng = 51.100.000 đồng; 04 cửa sổ loại 4 cánh: 9,6m² x 3.500.000 đồng = 33.616.800 đồng; 01 bộ cửa sổ loại 02 cánh: 1,31m² x 3.500.000 đồng = 4.588.500 đồng; 03 bộ cửa hông loại 01 cánh: 7,13m² x 3.500.000 đồng = 24.937.500 đồng.

Bà L, ông Hải đồng ý thanh toán lại cho ông C số tiền 50.000.000 đồng còn nợ sau khi ông C thực hiện xong các yêu cầu phản tố. Việc ông C yêu cầu tính lãi từ năm 2006 đến nay trên số tiền 50.000.000 đồng với tổng số tiền là 47.625.000 đồng, bà L và ông Hải không đồng ý thanh toán vì lỗi thuộc về ông C như đã trình bày.

Tại bản án số: 37/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:

Áp dụng các 280, 281, 351, 353, 361 Bộ luật dân sự 2005; Điều 3, Điều 62 Luật xây dựng 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Tấn C.

Buộc bà Hoàng Thị Ngọc L trả cho ông C số tiền 50.000.000 đồng;

Không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi suất với số tiền 47.625.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Ngọc L về việc yêu cầu công nhận hợp đồng giao nhận thi công số 9/HĐ.2005 ngày 15/7/2005;

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Ngọc L về việc yêu cầu Ông Huỳnh Tấn C xuất hóa đơn giá trị gia tăng;

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Ngọc L đối với việc yêu cầu Ông Huỳnh Tấn C bồi thường chi phí hoàn tất việc xây dựng là 134.242.800 đồng;

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà L về việc yêu cầu ông C bồi thường tiền vé máy bay là 18.883.900 đồng.

3. Chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị Ngọc L phải chịu 18.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng, buộc bà L thanh toán lại cho Ông Nguyễn Thanh H số tiền 18.000.000 đồng

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/11/2020, Bà L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà L, cụ thể: Buộc ông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho số tiền bà đã thanh toán là 1.150.000.000đ, chịu toàn bộ chi phí hoàn thiện phần nhà chưa xong, bao gồm chi phí hoàn thiện phần tường chưa tô vữa, thay cửa gỗ cấm xe, kính 7 ly thay cho cửa sắt hiện có và cửa gỗ không đúng chủng loại tổng cộng là 134.242.800đ.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Thiệu là người đại diện của bà L sửa đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu ông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho hợp đồng trị giá 440.000.000đ, các nội dung kháng cáo khác giữ nguyên.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày:

Ông Thiệu trình bày: Bà L yêu cầu ông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo hợp đồng số 09/HĐ.2005 ngày 17/10/2005 với giá trị hợp đồng là 440.000.000đ, không yêu cầu xem xét và xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo hợp đồng ngày 15/7/2005. Ông C chỉ làm 2 cửa chính bằng gỗ cấm xe, còn lại là bằng sắt là không đúng chất lượng, còn một phần tường chưa tô. Bà L yêu cầu ông C bồi thường tổng cộng 134.242.800đ về chi phí hoàn thiện phần tường chưa tô, thay cửa sắt bằng cửa gỗ, kính 7mm.

Ông Hải trình bày: Ông và bà L nhận nhà sử dụng từ năm 2006, ông thống nhất với lời trình bày của ông Thiệu.

Ông Tùng trình bày: Ông C đồng ý cung cấp cho bà L hóa đơn giá trị gia tăng theo hợp đồng ngày 17/10/2005 với giá trị hợp đồng là 440.000.000đ, các yêu cầu kháng cáo khác của bà L ông C không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Cấp phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng các quy định về tố tụng, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung kháng cáo: Bà L xây nhà không có giấy phép. Tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền lợi cho ông C trình bày ông C đồng ý cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng của hợp đồng trị giá 440.000.000đ nên chấp nhận. Về kháng cáo yêu cầu ông C bồi thường, bà L sử dụng nhà từ năm 2006, quá trình sử dụng nhà không khiếu nại nên không đủ căn cứ kết luận ông C vi phạm hợp đồng. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần quyết định án sơ thẩm, buộc ông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bà L, không chấp nhận yêu cầu về bồi thường 134.242.800đ của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Ông C và bà L ký 2 hợp đồng giao nhận thi công công trình xây dựng mới nhà ở tại địa chỉ 32F2, khu phố 1, phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh đồng Nai, cụ thể:

- Hợp đồng số 09/HĐ.2005 ngày 15/7/2005 có nội dung tại Điều 1 và Điều 2 như sau: Bà L giao cho ông C thi công nhà tại địa chỉ trên, nhà có kết cấu 2 tầng, cửa nhôm kính (WC) + gỗ căm xe kèm theo bản vẽ thiết kế do công ty tư vấn xây dựng DTC lập. (phần chi tiết vật tư có bảng phụ lục kèm theo). Tổng giá trị công trình là 1.200.000.000đ. Bên ông C chịu trách nhiệm cung cấp vật tư đúng chất lượng theo hồ sơ thiết kế (kèm theo bảng chủng loại vật tư), thi công theo đúng bản vẽ thiết kế và đóng thuế giá trị gia tăng.

- Hợp đồng số 09/HĐ.2005 ngày 17/10/2005 cũng có nội dung như Hợp đồng số 09/HĐ.2005 ngày 15/7/2005, chỉ khác về tổng giá trị công trình ghi trong hợp đồng là 4.40.000.000đ.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện cho bà L xác định quá trình thi công ông C là người mua toàn bộ vật tư và thi công toàn bộ căn nhà, các bên cũng thừa nhận bà L còn nợ ông C 50.000.000đ chưa thanh toán, không phải là tiền bảo hành công trình. Ông C chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

[2]- Về nội dung kháng cáo yêu cầu ông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền bà L đã thanh toán.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Thiệu đại diện bà L và ông Hải chỉ yêu cầu ông C xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo hợp đồng ngày 17/10/2005 với giá trị hợp đồng là 440.000.000đ.

Theo nội dung hợp đồng trên thì ông C là người mua vật tư, tổ chức thi công nên ông C được người bán vật tư cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng và ông C phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với giá trị tiền công xây nhà. Tại phiên tòa hôm nay, ông Tùng là người bảo vệ quyền lợi của ông C cũng trình bày ông C đồng ý cung cấp và xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo hợp đồng ngày 17/10/2005 với giá trị hợp đồng là 440.000.000đ.

Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L về nội dung này, buộc ông C phải giao cho bà Liên đầy đủ hóa đơn thuế giá trị gia tăng đối với số tiền mua vật tư, tiền công xây nhà theo hợp đồng ngày 17/10/2005 với giá trị hợp đồng là 440.000.000đ.

[3]- Về nội dung kháng cáo yêu cầu thanh toán toàn bộ chi phí tô 80m² trần nhà chưa tô vữa; thay cửa gỗ căm xe, kính 7ly thay cho cửa sắt và thay cửa gỗ không đúng chủng loại, tổng cộng là 134.242.000đ:

Xét thấy: Theo nội dung hợp đồng thì cửa nhà vệ sinh làm nhôm kính, hợp đồng ghi cửa gỗ căm xe nhưng không ghi cụ thể là cửa nào làm gỗ. Hợp đồng ghi chất lượng theo hồ sơ thiết kế (kèm theo bảng chủng loại vật tư), tuy

nhiên các bên không cung cấp được bằng chứng loại vật tư. Theo bản vẽ thiết kế thì chỉ thể hiện cửa lớn (cửa đi 4 cánh) phía trước của tầng 1 và tầng 2 là làm bằng gỗ, kính 7 ly, không ghi độ dày của khu gỗ và loại gỗ. Như vậy, hai cửa lớn phía trước của tầng 1 và tầng 2 các bên thỏa thuận làm bằng gỗ căm xe, đúng như chứng thư thẩm định, các cửa còn lại trong nhà các bên không có thỏa thuận về chất liệu cửa là gỗ nên ông C làm cửa sắt là đúng hợp đồng. Việc bà L yêu cầu thay cửa sắt bằng cửa gỗ và cho rằng cửa đi 4 cánh không đúng chủng loại gỗ là không có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà L.

[4]- Về chi phí tố tụng là 18 triệu đồng, bà L và ông C mỗi người chịu 1/2 là 9.000.000đ.

Án phí phúc thẩm: Bà L không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị Ngọc L; sửa một phần quyết định Bản án sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

Căn cứ Điều 412 Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án

1- Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Tấn C.

Buộc bà Hoàng Thị Ngọc L trả cho Ông Huỳnh Tấn C 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Ông Huỳnh Tấn C về yêu cầu buộc bà Hoàng Thị Ngọc L trả 47.625.000đ tiền lãi.

2- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Ngọc L:

Buộc Ông Huỳnh Tấn C phải giao cho bà Hoàng Thị Ngọc L hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với số tiền 440.000.000đ mua vật tư xây, thi công nhà tại địa chỉ 32E2 khu tái định cư phường Bửu Long, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Ngọc L về việc yêu cầu Ông Huỳnh Tấn C bồi thường chi phí hoàn tất việc xây dựng, thay cửa là 134.242.800đ.

3- Chi phí tố tụng: Bà L và ông C mỗi người phải chịu là 9.000.000đ. Do ông C (người đại diện cho ông C) đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định giá nên buộc bà L hoàn trả cho ông C 9.000.000đ (chín triệu đồng).

3- Về án phí phúc thẩm: Bà L không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3) (07);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng